

SỞ Y TẾ THÁI NGUYÊN
BỆNH VIỆN MẮT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BVM – D&XN
V/v Báo giá thiết bị y tế, hoá chất,
sinh phẩm y tế

Thái Nguyên, ngày tháng 12 năm 2025

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Căn cứ nhu cầu mua sắm thiết bị y tế, hoá chất và sinh phẩm y tế năm 2026 cho bệnh viện Mắt Thái Nguyên.

Bệnh viện Mắt Thái Nguyên có nhu cầu tiếp nhận báo giá thiết bị y tế, hoá chất và sinh phẩm y tế để tham khảo, xây dựng kế hoạch mua sắm thiết bị y tế, hoá chất và sinh phẩm y tế năm 2026 cho bệnh viện Mắt Thái Nguyên.

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá.

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Mắt Thái Nguyên

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Nguyễn Thị Hạnh - Văn thư bệnh viện

Điện thoại: 02083.658.300

Email: benhvienmat.thainguyen@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Ngã ba Mỏ Bạch, Tổ 83, phường Phan Đình Phùng, Tỉnh Thái Nguyên.

- Nhận qua email: benhvienmat.thainguyen@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 04 tháng 12 năm 2025 đến trước 17h ngày 15 tháng 12 năm 2025.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 180 ngày kể từ ngày 14 tháng 12 năm 2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Nội dung báo giá (*Phụ lục kèm theo*)

2. Địa điểm cung cấp: Bệnh viện Mắt Thái Nguyên.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Năm 2026

Rất mong nhận được sự quan tâm, hợp tác của Quý đơn vị.

Trân trọng cảm ơn ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, D&XN.

GIÁM ĐỐC

Hoàng Thị Kim Yến

PHỤ LỤC

(Kèm theo Công văn số: /BVM – D&XN ngày tháng 12 năm 2025 của Bệnh viện Mắt Thái Nguyên)

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng kế hoạch	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
1	Chất nhày phẫu thuật mắt Sodium Hyaluronate	Hộp	2 000	Thành phần: Sodium Hyaluronate . - Nồng độ $\geq 2.0\%$. - Trọng lượng phân tử: ≥ 2.4 million daltons, Độ nhớt: ≥ 40.000 mPa.s. - Độ thẩm thấu: 250-350 mOsmol/l. Độ PH: 7.0-7.5. - Dung tích ống ≥ 1.0 ml. - Xuất xứ: Liên minh Châu Âu (EU)	Báo giá kèm theo Catalog sản phẩm
2	Chất nhày phẫu thuật mắt Hydroxypropyl methylcellulose	Hộp	2 000	Hydroxypropyl methylcellulose $\geq 2.0\%$ Trọng lượng phân tử: ≥ 0.07 mio. Daltons Độ nhày ≥ 4000 mPas. Độ thẩm thấu 270-400 mosmol/kg. pH: 6.8-7.5 Dung tích ≥ 2.0 ml Có xuất xứ các nước thuộc nhóm các nền kinh tế lớn G7	Báo giá kèm theo Catalog sản phẩm
3	Thuốc nhuộm bao dùm trong phẫu thuật	Lọ	200	trypan blue 0.06% kết hợp với Natri chlorid và dung dịch đệm. Dung tích ≥ 1 ml	Báo giá kèm theo Catalog sản phẩm
4	Dao bẻ góc 15 độ (Dùng trong phẫu thuật Phaco)	Cái	3 400	Lưỡi thép không gỉ. Tạo độ mở rộng 15 độ. Có xuất xứ các nước thuộc nhóm các nền kinh tế lớn G7.	Báo giá kèm theo Catalog sản phẩm
5	Dao mổ mắt 2.8(Dùng trong phẫu thuật Phaco)	Chiếc	3 400	Lưỡi thép không gỉ, kích cỡ lưỡi dao 2.8 mm, Có xuất xứ các nước thuộc nhóm các nền kinh tế lớn G7.	Báo giá kèm theo Catalog sản phẩm
6	Dao mổ tạo vạt mổ ngoài bao (Dùng trong nhãn khoa)	Chiếc	1 200	Lưỡi thép không gỉ, kích cỡ lưỡi dao ≥ 2.5 mm	Báo giá kèm theo Catalog sản phẩm

7	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, một mảnh. Chất liệu Acrylic Hydrophobic	Cái	800	1. Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, một mảnh. 2. Chất liệu: Acrylic Hydrophobic . 3. Màu sắc: Trong suốt 4. Thiết kế optic: Phi cầu 5. Thiết kế haptic: Thiết kế 2 càng chữ C 6. Bờ vuông 360° 7. Đường kính quang học (Optic): 6.0mm ± 5%, tổng chiều dài kính: 12.5mm ± 5% 8. Chỉ số khúc xạ: ≥ 1.55 9. Chỉ số cầu sai SA: $(-0.25 \mu\text{m}) \leq SA \leq (-0.20 \mu\text{m})$ 10. Góc càng: $\leq 2^\circ$ 11. Dải công suất: 0.0D đến +40.0D 12. Kích thước vết mổ: $\leq 2.2 \text{ mm}$. 13. Thủy tinh thể cung cấp kèm dụng cụ đặt (cartridge + injector) sử dụng 1 lần 14. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485; CE hoặc FDA 15. Xuất xứ: Liên minh Châu Âu (EU)	Báo giá kèm theo Catalog sản phẩm
8	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, một mảnh, Chất liệu Acrylic Hydrophobic, 2 càng kép chữ C	Cái	700	1. Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, một mảnh. 2. Chất liệu: Acrylic Hydrophobic 3. Màu sắc: Màu vàng 4. Thiết kế optic: Phi cầu 5. Thiết kế haptic: 2 càng kép, càng chữ C 6. Bờ vuông 360° 7. Đường kính quang học (Optic): 5.8mm - 6.5mm, tổng chiều dài kính 11.5mm - 13.0mm 8. Chỉ số khúc xạ: ≥ 1.47 9. Chỉ số cầu sai: $\leq 0 \mu\text{m}$ 10. Góc càng: $\geq 0^\circ$ 11. Dải công suất: Từ 0.0D đến + 35D 12. Kích thước vết mổ: $\leq 2.2\text{mm}$ 13. Thủy tinh thể đặt sẵn trong Cartridge và Injector 14. Chứng nhận ISO 13485; CE hoặc FDA 15. Xuất xứ: Liên minh Châu Âu (EU)	Báo giá kèm theo Catalog sản phẩm

9	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, một mảnh, Chất liệu Copolymer. 4 còng	Cái	900	1. Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, một mảnh. 2. Chất liệu: Copolymer 3. Lọc tia UV 4. Thiết kế optic: phi cầu 5. Thiết kế haptic: 4 còng 6. Thiết kế với công nghệ rìa vuông hai lần 7. Đường kính quang học (Optic): 6 mm, tổng chiều dài kính 10.75 mm 8. Chỉ số khúc xạ: ≥ 1.46 9. Chỉ số cầu sai: $\leq -0,14\mu\text{m}$ 10. Góc còng: 5° 11. Dải công suất: -10D đến +30D 12. Kích thước vết mổ kích thước: $\leq 2.2\text{mm}$ 13. Thủy tinh thể đặt sẵn trong Cartridge và Injector 14. Chứng nhận ISO 13485; CE hoặc FDA 15. Có xuất xứ các nước thuộc nhóm các nền kinh tế lớn G7.	Báo giá kèm theo Catalog sản phẩm
10	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, một mảnh, Chất liệu Acrylic Hydrophilic. Kiểu còng dạng đĩa	Cái	700	1. Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, một mảnh. 2. Chất liệu: Acrylic Hydrophilic 3. Màu sắc: Không màu 4. Thiết kế optic: Phi cầu 5. Thiết kế haptic: Kiểu còng dạng đĩa 6. Bờ vuông 360° 7. Đường kính quang học (Optic): $7\text{ mm} \pm 5\%$, tổng chiều dài kính $11\text{ mm} \pm 5\%$ 8. Chỉ số khúc xạ ≥ 1.46 9. Chỉ số cầu sai: Cầu sai trung tính 10. Góc còng: Góc còng 0° 11. Dải công suất: từ +10,0 D đến +30,0 D. 12. Kích thước vết mổ kích thước: qua vết mổ kích thước: $\leq 2.2\text{ mm}$. 13. Thủy tinh thể đặt sẵn trong Cartridge và Injector 14. Chứng nhận ISO 13485 ;CE hoặc FDA 15. Có xuất xứ các nước thuộc nhóm các nền kinh tế lớn G7.	Báo giá kèm theo Catalog sản phẩm

11	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu kéo dài tiêu điểm, một mảnh, chất liệu Acrylic Acrylic hỗn hợp. Càng chữ C	Cái	300	1. Thủy tinh thể mềm, một mảnh, đơn tiêu kéo dài tiêu cự 2. Chất liệu: Acrylic hỗn hợp 3. Màu sắc: không màu 4. Thiết kế optic: phi cầu 5. Thiết kế haptic: càng chữ C khép kín 6. Bờ vuông 360° 7. Đường kính Optic: 6 mm ± 5 % Chiều dài tổng thể: 12 mm ± 5% 8. Chỉ số khúc xạ: ≥ 1.46 9. Cầu sai ≤ 0 10. Góc càng 0° 11. Dải công suất tối thiểu từ +5.0D đến +30.0D 12. Kích thước vết mổ: ≤ 2.2 mm 13. Thủy tinh thể đặt sẵn trong Cartridge kèm injector dùng 1 lần 14. Chứng nhận ISO 13485; CE hoặc FDA 15. Xuất xứ: Liên minh Châu Âu (EU)	Báo giá kèm theo Catalog sản phẩm
12	Chỉ treo	Sợi	30	Số 10, kim thẳng	Báo giá kèm theo Catalog sản phẩm
13	Chỉ khâu phẫu thuật mắt	Sợi	800	Chỉ không tiêu số 10; Chiều dài chỉ ≥ 30 cm; 2 kim hình thang; đường kính 0,15 mm dài 6,2mm; độ cong 3/8 vòng tròn 140°.	Báo giá kèm theo Catalog sản phẩm
14	Sleeve	Chiếc	100	19G, cho kích thước vết mổ 2.8mm	
15	Ambu bóp bóng	Bộ	5	Gồm có: Bóng ambu; Mặt nạ có kích thước phù hợp; Dây dẫn oxy từ hệ thống oxy tới bóng ambu;	
16	Bàn chải rửa tay phẫu thuật	Chiếc	100	Kích thước: 10cm x 4cm	
17	Băng dính chỉ thị nhiệt độ	Cuộn	30		
18	Băng dính lỵ	Cuộn	500	Chiều rộng: 5cm, Chiều dài: 5m	
19	Bơm tiêm nhựa 10ml	Chiếc	5 000	10ml	

20	Bơm tiêm nhựa 1ml	Chiếc	7 000	1 ml	
21	Bơm tiêm nhựa 5ml	Chiếc	25 000	5 ml	
22	Bóng đèn 15v - 150W	Cái	5	15v - 150W	
23	Bóng đèn Halogen 12V -30W	Cái	10	12V -30W. Dùng cho máy sinh hiển vi khám	
24	Bóng đèn Halogen 6V -20W	Cái	10	6V -20W	
25	Bóng đèn tiểu phẫu	Cái	100	24V- 25W	
26	Bóng đèn UV	Cái	20	220V; 30 - 40 W; Dài 90 cm	
27	Bông hút	kg	100	100% cotton	
28	Bóng SHV mổ 100 W	Cái	2		
29	Bóng Sinh hiển vi khám	Chiếc	10	12 v - 4,2 A	
30	Chỉ Dafilon 3/0	Sợi	36	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi, Kim tam giác 3/8 vòng tròn phủ silicon.	
31	Chỉ không tiêu polyamide số 5.0	Sợi	48	Chất liệu polyamide; số 5.0	
32	Chỉ không tiêu polyamide số 6.0	Sợi	48	Chất liệu polyamide; số 6.0	
33	Chỉ không tiêu polyamide số 7.0	Sợi	48	Chất liệu polyamide; số 7.0	

34	Chỉ Prolen 5.0	Sợi	48		
35	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 5.0	Sợi	120	2 Kim; Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 5.0	
36	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 5.0	Sợi	48	1 Kim; Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 5.0	
37	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 6.0	Sợi	120	2 Kim; Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 6.0	
38	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 6.0	Sợi	48	1 Kim; Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 6.0	
39	Chổi rửa ống nghiệm	Chiếc	50		
40	Cồn 90 độ	Chai	2 000	Chai $\geq$ 500 ml	
41	Cồn 90 độ	Can	80	Can $\geq$ 10 L	
42	Dao tem	Chiếc	400		
43	Đầu côn vàng	Cái	4 000	Thể tích tối đa 200ul (tương đương 0.2ml)	
44	Đầu côn xanh	Cái	4 000	Thể tích tối đa 1000ul (tương đương 1ml)	
45	Dầu soi kính hiển vi (Chai $\geq$ 500 ml)	lọ	1	Chai $\geq$ 500 ml	
46	Dây Garo	Chiếc	10	Có khoá; sử dụng garo lấy máu	
47	Dây silicon treo mi	Cái	10		

48	Dây truyền Dịch	Bộ	4 000		
49	Dung dịch rửa tay sát khuẩn dùng trong phẫu thuật	Can	20	Hoạt chất: Chlorhexidine digluconate $\geq 4,0$ % (w/w).Ethanol 50% (w/w), Isopropanol 28% (w/w), Chất làm đặc, hương liệu . Can ≥ 5 lít	
50	Dung dịch sát khuẩn bề mặt	Chai	400	Ethanol 30%; Poly Hydroclorid 0,1%; DDAC 0,1%; ≥ 750 ml	
51	Dung dịch sát khuẩn tay nhanh (Chai ≥ 500 ml)	Chai	100	(Chai ≥ 500 ml)	
52	Dung dịch vệ sinh kính hiển vi	Lọ	1		
53	Gạc hút	mét	10 000	Khổ ≥ 80 cm. Gạc 100% cotton	
54	Găng tay khám	đôi	25 000	Chiều dài: 240 +/-5 mm . Các kích cỡ	
55	Găng tay phẫu thuật tiệt trùng các số	đôi	20 000	Chiều dài: 280 +/-5 mm. Các kích cỡ	
56	Giá đựng ống nghiệm nước tiểu	Chiếc	5	Các kích cỡ	
57	Giấy in Nhiệt	Cuộn	120	Kích thước 58 mm x 30 m	
58	Giấy tẩm Fluorescein	Lọ	50		
59	Hoá chất rửa dụng cụ	Can	5	Enzyme Protease subtilisin: 8,0% (w/w), Lipase: 0,2% (w/w), Amylase: 0,15% (w/w), Cellulase : 0,05% (w/w), Mannanase :0,05% (w/w). Can ≥ 5 L	
60	Hộp an toàn	Hộp	200		
61	Hộp chống sốc	Hộp	10	Chất liệu nhựa; Dụng thuốc cấp cứu	

62	Hộp Inox	Chiếc	10	23 x 11 x 5cm	
63	Ổng Nghe y tế	Bộ	2	Loa ống nghe 2 đầu	
64	Khẩu trang y tế 4 lớp	Cái	15 000		
65	Kim chích máu	Cái	10 000		
66	Kim lấy thuốc	Cái	8 000	Các số	
67	Kim luồn	Cái	50	Các kích cỡ	
68	Kim Phaco	Cái	12	19G, 30 độ.	
69	La men	Chiếc	400		
70	Lam kính	Chiếc	400		
71	Lưỡi dao mổ các số	Cái	200		
72	Mũ phẫu thuật	Chiếc	10 000		
73	Nhiệt kế điện tử	Cái	4		
74	Nồi hấp áo	Cái	10		
75	Nước cất 2 lần	Lit	600	Nước cất 2 lần	

76	Ống Eppendor	Cái	5 000	0,5- 1,5 ml; có nắp đậy liền thân	
77	Ống nghiệm	Ống	5 000	Chất liệu nhựa; Đựng máu; Từ 3ml - 5 ml	
78	Ống nghiệm EDTA	Cái	5 000		
79	Ống nghiệm HEPARIN	Cái	5 000		
80	Ống nghiệm nước tiểu	Cái	4 000	Chất liệu nhựa; Đựng nước tiểu; Có nắp; > 10 ml	
81	Que Bông tăm vô khuẩn	Túi	800		
82	Sonde Foley 2 nhánh	Chiếc	10		
83	Sonde Nelaton	Chiếc	10		
84	Test HBsAg	test	4 000		
85	Test HIV	test	4 000		
86	Test nước tiểu 10 thông số	test	4 000		
87	Tinh dầu sả	Lít	100		
88	Viên nén khử khuẩn	Viên	4 000	Chứa 2.5 gram Natri Dichloroisocyanurate	
89	Bình OxyBình 10 Lít	Bình	5		

90	Bình OxyBình 40 Lit	Bình	2		
91	Khí Oxy y tế Bình 10 Lit	Bình	10		
92	Khí Oxy y tế Bình 40 Lit	Bình	5		
93	Cảm ứng áp xuất	Cái	1	Sử dụng cho máy phẫu thuật phaco Megatrol-Đức	
94	Đầu hút IA	Chiếc	1	Sử dụng cho máy phẫu thuật mắt phaco Megatrol - Đức	
95	Đầu cắt dịch kính	Cái	2	Sử dụng cho Máy phẫu thuật mắt phaco, Model 3000, hãng sản xuất: "Medical Technical Products, Inc.," Mỹ.	
96	Ống dây Tubing	Chiếc	1	Sử dụng cho máy phẫu thuật phaco Megatrol-Đức	
97	Tay Phaco	Cái	1	Sử dụng cho máy phẫu thuật phaco Megatrol-Đức	